TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HS-ST
Ngày: 28-6-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Q

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Lê M - Cán bộ Toà án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội*** tham gia phiên toà: Ông Hoàng Đức T - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2021, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/HSST-QĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 tại Thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn T, xã M, huyện P, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ là Trần Thị V; có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

2. Dương Văn T, sinh năm 1989 tại Thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Tiểu khu Phú Thịnh, thị trấn P, huyện P1, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Cao T và bà Đỗ Thị H; có vợ là Kiều Thị Thu H; có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

3. Dương Văn T, sinh năm 1991 tại Thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Tiểu khu Phú Thịnh, thị trấn P, huyện P1, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Cao T và bà Đỗ Thị H; có vợ là Vũ Thị Huyền T; có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không.

4. Nguyễn Văn C, sinh năm 1988 tại Thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn V, xã N, huyện P, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Phùng Thị

H; có vợ là Trần Thị L; có 03 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không;

5. Nguyễn Thế Q, sinh năm 1999 tại Thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn T, xã M, huyện P, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị L; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

6. Trần Văn L, sinh năm 1992 tại Thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Tiểu khu Phú Thịnh, thị trấn P, huyện P1, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L và bà Hoàng Thị H; có vợ là Phùng Thị Y; có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7. Nguyễn Văn C, sinh năm 1988 tại Thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Tiểu khu Phú Gia, thị trấn P, huyện P1, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Phùng Thị Y; có 04 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không.

Các bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/5/2021 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 11/5/2021, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thế Q, Nguyễn Văn C, Dương Văn T1, Trần Văn L; Dương Văn T2 và Nguyễn Văn C, đến xưởng mộc của T3 (T4 thuê của anh Hoàng Văn O ở thị trấn P để làm đồ gỗ) ở TK Phú Thịnh, TT P, huyện P1 chơi, uống nước. Tại đây, các bị cáo cùng rủ nhau chơi đánh bạc dưới hình thức đánh liêng được thua bằng tiền. T là người đi mua bài tú lơ khơ. L gọi điện thoại rủ C đến tham gia đánh bạc. Các đối tượng thống nhất cách thức chơi như sau: Lấy bộ bài tú lơ khơ có 52 quân bài, trước khi chia bài mỗi người gom 20.000 đồng để vào giữa. Khi chia mỗi người được nhận 3 quân bài. Sau đó bắt đầu tố lần lượt theo vòng bên phải, ai không tố thì úp bài xuống (kết thúc ván đó), những người còn lại tố tiếp. Mỗi lần tố cao nhất không quá 100.000 đồng, bài được tính từ lớn đến nhỏ lần lượt là "Sáp" (ba quân bài giống nhau cùng số hoặc chữ), Liêng (ba quân bài liên tiếp nhau cùng hoặc khác chất, không tính bài K,A,2), tiếp đến là Ảnh – gồm 3 quân bài đầu người (JJK, JQQ…) nếu tất cả đều không có sáp liêng ảnh thì so điểm, 9 điểm là to nhất. Khi chơi ai được sáp thì mà nhất ván đó thì ngoài ăn tiền gà, tiền tố còn

được thêm của những người chơi còn lại là 100.000 đồng/1 người. Nếu ai được bài liêng đồng chất mà nhất ván đó, ngoài được ăn tiền gà, tiền tố còn được thêm của những người chơi còn lại là 50.000 đồng/1 người. Thống nhất chủ nhà không phải chịu thêm tiền khi có người được sáp, liêng).

Cả bọn chơi đánh bạc đến 21h 45 phút cùng ngày thì Công an huyện P phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: Tiền thu trên chiếu bạc: 140.000 đồng; 01(một) bộ bài tú lơ khơ 52 quân;

- Thu giữ trên người các đối tượng 11.640.000 đồng đồng. Cụ thể như sau: Nguyễn Văn T: 1.000.000 đồng; Dương Văn T: 4.050.000 đồng; Dương Văn T: 2.660.000 đồng; Nguyễn Văn C: 1.300.000 đồng; Nguyễn Thế Q: 1.000.000 đồng; Trần Văn L 950.000 đồng; Nguyễn Văn C: 680.000 đồng;

- Thu giữ của Trần Văn L 01 điện thoại Nokia 1280, màu đen, có lắp sim số 0376666219, của Nguyễn Văn C 01 điện thoại Iphone 7 Plus màu hồng, có lắp sim số 0949.814.968 đã qua sử dụng.

Tại Cơ quan điều tra, T khai vay của T1 1.000.000 đồng sử dụng toàn bộ vào mục đích đánh bạc, đến khi bị bắt đang hòa tiền. T khai mang theo khoảng 6.000.000 đồng, cho T1 vay 1.000.000 đồng, cho Q vay 1.000.000 đồng, còn lại 4.000.000 đồng sử dụng toàn bộ để đánh bạc, khi bị bắt thắng 50.000 đồng. T khai mang theo 2.400.000 đồng để đánh bạc, đến khi bị bắt thắng 260.000 đồng. C khai mang theo khoảng 1.150.000 đồng, sử dụng toàn bộ để đánh bạc, đến khi bị bắt thắng 150.000 đồng. Q khai vay của T 1.000.000 đồng để đánh bạc. C cũng khai mang theo khoảng 600.000 đồng sử dụng để đánh bạc, đến khi bị bắt thắng 80.000 đồng. L khai mang theo khoảng 270.000 đồng, sử dụng toàn bộ để đánh bạc, đến khi bị bắt thắng 680.000 đồng.

Tổng số các bị cáo sử dụng để đánh bạc trong vụ án là 11.780.000 đồng.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 01/QĐ-VKSPX ngày 11/6/2021 của VKSND huyện P đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Dương Văn T1, Nguyễn Thế Q, Trần Văn L, Dương Văn T2, Nguyễn Văn C1 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra, Quyết định truy tố của Viện kiểm sát là đúng với hành vi các bị cáo đã thực hiện. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và đề nghị Tòa xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho cải tạo tại địa phương.

Phần tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát huyện P giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 321 BLHS, điểm i, s khoản 1 điều 51, Điều 65 BLHS xử phạt Nguyễn Văn T và Dương Văn T1, mỗi bị cáo từ 15 -18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi. Xử phạt Dương Văn T, Trần Văn L,

mỗi bị cáo từ 09 – 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi. Xử phạt Nguyễn Thế Q, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C1 mỗi bị cáo từ 06 – 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Ngoài ra con đề nghị xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp lệ, đủ cơ sở kết luận: Ngày 11/5/2021 tại xưởng gỗ của Nguyễn Văn T, các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn C, Dương Văn T2, Nguyễn Thế Q, Trần Văn L, Dương Văn T3, Nguyễn Văn C2 đã tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh liêng được thua bằng tiền. Tổng số tiền thu giữ là 11.780.000đồng. Do đó, việc Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc" là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến trật tự công cộng, gây mất ổn định trật tự an ninh địa phương, đòi hỏi phải xử lý bằng pháp luật hình sự với mức hình phạt tương xứng với tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo trong vụ án, vừa để cải tạo giáo dục các bị cáo vừa để răn đe và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án có đồng phạm, để có căn cứ xử lý các bị cáo cần cá thể hóa hình phạt và xem xét vai trò của các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Văn T vừa có hành vi cho các bị cáo khác sử dụng nơi ở của mình để đánh bạc, vừa tham gia đánh bạc. Bị cáo T là người chuẩn bị quan bài, đánh bạc với với tiền lớn nhất và còn cho 02 bị cáo khác vay tiền đánh bạc, nên hình phạt của 02 bị cáo này là cao nhất và phải tương đương nhau.

Bị cáo L là đồng phạm tích cực, ngoài tham gia đánh bạc, còn rủ rê lôi kéo bị cáo C đánh bạc, bị cáo T có số tiền dùng để đánh bạc cao thứ hai chỉ sau T1, nên hình phạt của L1, T2 thấp hơn T3, T4, xong phải cao hơn các bị cáo còn lại. Đối với các bị cáo gồm Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thế Q đều tham gia với vai trò hạn chế, song cũng cần có hình phạt tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội

Khi lượng hình: Xét hầu hết bị cáo đều là người lao động phổ thông, có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền phạm tội không lớn, để giảm nhẹ đáng kể hình phạt.

Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định của điều 51 BLHS và không có tình tiết tăng nặng tại Điều 52 BLHS, có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, đối chiếu với hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/HĐTP-TANDTC ngày 18/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, thì có đủ điều kiện để cho các bị cáo được hưởng án treo hoặc áp dụng điều 36 BLHS xử phạt cải tạo không giam giữ, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ giúp các bị cáo cải tạo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với nhà xưởng mà các bị cáo dùng để đánh bạc, là do T thuê của của anh Hoàng Văn O, ở thị trấn P để làm mộc, anh O1 không biết bị cáo T cùng các đồng phạm sử dụng làm nơi đánh bạc, nên không xử lý anh O2 là có căn cứ. Tòa không xét.

Xét hầu hết các bị cáo đều là lao động phổ thông, thu nhập thấp, không ổn định, nên không phạt tiền các bị cáo.

Về vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước toàn bộ số tiền 11.780.000đồng mà các bị cáo dùng để đánh bạc. Tịch thu tiêu hủy01(một) bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

Tịch thu xung quỹ nhà nước 01 điện thoại Nokia 1280, màu đen, có lắp sim số 0376666219 đã qua sử dụng của Trần Văn L và 01 điện thoại Iphone 7 Plus màu hồng, có vỏ ốp điện thoại màu xanh rêu,có lắp sim số 0949.814.968 đã qua sử dụng, của Nguyễn Văn C, mà các bị cáo sử dụng làm công cụ phương tiện phạm tội.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Dương Văn T1, Nguyễn Thế Q, Trần Văn L, Dương Văn T2, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C1 phạm tội tội "Đánh bạc"

1. **Về hình phạt**:

** Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 58; Điều 65; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự tuyên phạt:*

- Phạt bị cáo *Nguyễn Văn T 15 (Mười lăm)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là *30 (Ba mươi)* tháng tính từ ngày tuyên án (28/6/2021)

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND xã M, huyện P, thành phố Hà Nội kết hợp với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Phạt Bị cáo *Dương Văn T 15 (Mười lăm)* tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 30 (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án (28/6/2021)

Giao bị cáo Dương Văn T cho UBND thị trấn P, huyện P1, thành phố Hà Nội kết hợp với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

** Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 58; Điều 36, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự tuyên phạt:*

- Phạt bị cáo Trần Văn L *15 (Mười lăm)* tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định Thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Văn L cho UBND thị trấn P, huyện P1, thành phố Hà Nội kết hợp với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục, trong thời gian cải tạo.

- Phạt bị cáo *Dương Văn T 15 (Mười lăm)* tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định Thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Dương Văn T cho UBND thị trấn P, huyện P1, thành phố Hà Nội kết hợp với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục.

- Phạt bị cáo *Nguyễn Thế Q 12 (Mười hai)* tháng cải tạo không giam giữ.. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định Thi hành án và bản sao

bản án. Giao bị cáo Nguyễn Thế Q cho UBND xã M, huyện P, thành phố Hà Nội kết hợp với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục, trong thời gian cải tạo.

- Phạt bị cáo *Nguyễn Văn C 12 (Mười hai)* tháng cải tạo không giam giữ.. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định Thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo *Nguyễn Văn C* cho UBND xã N, huyện P, thành phố Hà Nội kết hợp với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục, trong thời gian cải tạo.

- Phạt bị cáo *Nguyễn Văn C 09 (Chín)* tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định Thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Văn C cho UBND thị trấn P, huyện P1, thành phố Hà Nội kết hợp với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục, trong thời gian cải tạo.

2. Về vật chứng: Căn cứ điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS:

Tịch thu sung quỹ nhà nước: Toàn bộ số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 11.780.000 đồng đồng.

Tịch thu tiêu hủy01(một) bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

Tịch thu và sung quỹ nhà nước 01 điện thoại Nokia 1280, màu đen, có lắp sim số 0376666219 đã qua sử dụng của Trần Văn L và 01 điện thoại Iphone 7 Plus màu hồng, có vỏ ốp điện thoại màu xanh rêu,có lắp sim số 0949.814.968 đã qua sử dụng của Nguyễn Văn C do các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc.

(Tiền và tang vật hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/6/2021 và Phiếu ủy nhiệm chi ngày 17/6/2021).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 332, 333 BLTTHS:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;

- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện P;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Nguyễn Văn Q